TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2024/HS-ST
Ngày 10 – 6 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Thu

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 130/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn T** (tên gọi khác: Thảo N), giới tính: N1; sinh năm 1975 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi thường trú: ấp H, Thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở trước khi bị bắt: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1; bị cáo có vợ và 02 người con, con lớn sinh năm 1999 và con nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2023.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:* Ông Võ Quốc H, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: I N, phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Thanh N2, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: A khu phố A, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 12/4/1994, Võ Ngọc T2 uống cà phê với bị cáo Phạm Văn T và tại quán cà phê của bà Đ thuộc Ấp D, xã V, huyện B. Tại đây, cả hai rủ nhau đi cướp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Đến 21 giờ cùng ngày, Võ Ngọc T2 và bị cáo Phạm Văn T đến đoạn đường vắng thuộc ranh giới xã V, huyện B với xã B, huyện H thì giả vờ ngồi hóng mát. Một lúc sau, cả hai thấy ông Võ Quốc H điều khiển xe mô tô Dream biển số 50N-1278 hướng về xã B, khi ông H tới gần thì bất ngờ bị cáo Phạm Văn T đẩy xe đạp ra đường làm cho ông H ngã xuống đường. Ngay lúc này, Võ Ngọc T2 rút 01 con dao Thái Lan cất giữ trong người ra khống chế, cướp xe mô tô của anh H, khi ông H phản kháng thì Võ Ngọc T2 dùng dao đâm 01 nhát vào ngực phải của ông H gây thương tích rồi cầm dao leo lên xe mô tô biển số 50N-1278 chạy đến trước Ủy ban nhân dân xã V thì đụng trúng 01 chiếc xe đạp của người đi đường làm cho Võ Ngọc T2 và người điều khiển xe đạp cùng hai xe ngã xuống đường. Do nhìn thấy Công an xã V nên Võ Ngọc T2 hoảng sợ, bỏ lại xe mô tô chạy bộ thì bị người dân cùng Công an xã V bắt giữ, đưa về trụ sở Công an xã V lập hồ sơ ban đầu, chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B điều tra, xử lý.

Đối với ông Võ Quốc H, sau khi bị Võ Ngọc T2 dùng dao đâm gây thương tích đã được người dân đưa đến bệnh viện T4 cấp cứu, theo Giấy chứng nhận thương tích xác định *"Vết thương thấu ngực phải làm đứt động mạch vú phải"*. Tuy nhiên, ông H không đồng ý đi giám định thương tích.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Võ Ngọc T2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và cho biết trước khi thực hiện hành vi cướp tài sản thì Võ Ngọc T2 và bị cáo Phạm Văn T đã bàn bạc, thống nhất là bị cáo Phạm Văn T có nhiệm vụ đẩy xe đạp ra đường làm cho người đi xe mô tô ngã để cho Võ Ngọc T2 dùng dao đâm, cướp xe mô tô của người đi đường vào đêm khuya. Lời khai của Võ Ngọc T2 phù hợp với lời khai của ông Võ Quốc H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 15/4/1994, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can đối với Phạm Văn T và Võ Ngọc T2 về tội "Cướp tài sản của công dân" quy định tại Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 1985. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã khởi tố bổ sung đối với Võ Ngọc T2 về tội "Giết người". Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 467 ngày 28/4/1995 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm, tuyên phạt Võ Ngọc T2 08 năm tù về tội "Giết người" và 06 năm tù về tội "Cướp tài sản của công dân".

Đối với bị cáo Phạm Văn T, chỉ bị khởi tố về tội "Cướp tài sản của công dân" quy định tại Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 1985. Do bị cáo Phạm Văn T bỏ trốn sống lang thang nhiều nơi, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định truy nã theo quy định. Đến ngày 18/10/2023, bị cáo Phạm Văn T đến Công

an xã V, huyện B đầu thú. Sau đó, Công an xã V đã bàn giao bị cáo Phạm Văn T cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B điều tra, xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, bị cáo Phạm Văn T thừa nhận đã đi cùng với Võ Ngọc T2 đến đoạn đường xảy ra vụ việc, khi thấy ông Võ Quốc H điều khiển xe mô tô tới thì Võ Ngọc T2 nói với bị cáo Phạm Văn T: *"Nó phách quá, mày đẩy xe ra cho nó té đi"*. Bị cáo Phạm Văn T liền đẩy xe đạp ra giữa đường làm cho ông H ngã rồi bị cáo Phạm Văn T bỏ chạy bộ, không quay trở về nhà. Bị cáo Phạm Văn T không thừa nhận việc có bàn bạc với Võ Ngọc T2 cướp xe mô tô của người khác, không biết việc Võ Ngọc T2 có đem theo dao trong người và việc sau khi Võ Văn T3 làm cho ông H ngã xe thì Võ Ngọc T2 chiếm đoạt xe của ông H. Tuy nhiên, căn cứ vào Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của Võ Ngọc T2, ông Võ Quốc H và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được thì có cơ sở để xác định bị cáo Phạm Văn T đã cùng Võ Ngọc T2 thực hiện hành vi cướp tài sản của ông Võ Quốc H như diễn biến đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ: 01 con dao Thái Lan và 01 chiếc xe đạp, đã được xử lý tại Bản án số 467 ngày 28/4/1995 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án số 467 ngày 28/4/1995 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Cáo trạng số 133/CT-VKS ngày 11/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Cướp tài sản công dân" theo điểm b khoản 2 Điều 151 Bộ luật hình sự năm 1985 tương ứng tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 151 Bộ luật hình sự năm 1985; khoản 3 Điều 7, điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 07 năm đến 08 năm tù.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi như Cáo trạng đã truy tố, bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố đúng, không oan, sai; bị cáo rất ăn năn hối hận; bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T khai nhận: Vào tối ngày 12/4/1994, tại đoạn đường vắng thuộc ranh giới xã V, huyện B giáp với xã B, huyện H, bị cáo Phạm Văn T đã thực hiện hành vi đẩy chiếc xe đạp ra đường làm cho bị hại ông Võ Quốc H ngã xuống đường để tạo điều kiện cho Võ Ngọc T2 đã thực hiện hành vi cướp chiếc xe mô tô Dream biển số 50N-1278 của ông H. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của Võ Ngọc T2 cùng vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình đã gây ra. Bị cáo biết rất rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi mà bị cáo vẫn cố tình phạm tội. Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Phạm Văn T là người giúp sức, còn Võ Ngọc T2 là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp *"dùng vũ lực hoặc phương tiện, thủ đoạn nguy hiểm khác"* là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 151 của Bộ luật Hình sự năm 1985. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội "Cướp tài sản công dân" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 151 của Bộ luật Hình sự năm 1985 tương ứng với tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Mặt khác, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định hình phạt nhẹ hơn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 151 của Bộ luật hình sự năm 1985 nên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét áp dụng khoản 3 Điều 7, d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và tình tiết giảm nhẹ nêu trên để giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu. Mặt khác, bị cáo Phạm Văn T phạm tội lần đầu là người giúp sức có vai trò không đáng kể trong vụ án đồng phạm và Bản án hình sự sơ thẩm số 467 ngày 28/4/1995 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên phạt Võ Ngọc T2 06 năm tù về tội "Cướp tài sản của công dân" là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy tại điểm b khoản 2 Điều 151 của Bộ luật hình sự năm 1985 nên Hội đồng xét xử quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn T theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Bị cáo Phạm Văn T có dấu hiệu đồng phạm với Võ Ngọc T2 về tội "Giết người" quy định tại Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 1985 nhưng không bị khởi tố bị can. Đến nay, trên 29 năm nên đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử không cần thiết phải trả hồ sơ điều tra bổ sung đối với Phạm Văn T về tội "Giết người".

[6] Vật chứng thu giữ gồm: 01 con dao Thái Lan và 01 chiếc xe đạp đã được xử lý tại Bản án số 467 ngày 28/4/1995 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Về dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án số 467 ngày 28/4/1995 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, hình phạt đối với bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng. Hội đồng xét xử cũng chấp nhận ý kiến của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 151 của Bộ luật hình sự năm 1985; khoản 3 Điều 7, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội:

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cướp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/10/2023.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

3. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh; (1)
- Công an huyện Bình Chánh; (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh; (1)
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an TPHCM; (1)
- Sở Tư pháp TPHCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự; (2)
- Lưu hs; (1)

Nguyễn Tấn Việt